



Số : 244/BCKT/TC/NV5

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588

Fax: (+84 24) 3868 6248

Web: kiemtoanava.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần May Bình Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần May Bình Minh được lập ngày 26/02/2021 từ trang 07 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần May Bình Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



NGUYỄN VIỆT LONG

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0692-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2021

BÙI XUÂN NGUYỄN

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4029-2018-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		140.091.354.886	144.556.087.903
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	51.077.138.297	41.738.963.489
1. Tiền	111		51.077.138.297	41.738.963.489
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.172.000.000	13.930.750.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	10.172.000.000	13.930.750.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.229.004.355	44.235.278.221
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	35.622.444.476	42.066.353.327
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	399.048.867	457.459.094
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	1.207.511.012	1.711.465.800
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	36.385.853.742	40.759.719.715
1. Hàng tồn kho	141		36.385.853.742	40.759.719.715
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.227.358.492	3.891.376.478
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	185.395.226	675.506.758
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.041.963.266	3.215.869.720
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27.681.389.224	33.279.191.924
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		844.138.800	915.138.800
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.08	844.138.800	915.138.800
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		22.133.206.388	24.068.352.639
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	11.106.078.764	12.677.734.230
- Nguyên giá	222		89.548.349.095	87.359.364.622
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(78.442.270.331)	(74.681.630.392)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	11.027.127.624	11.390.618.409
- Nguyên giá	228		17.777.070.340	17.777.070.340
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(6.749.942.716)	(6.386.451.931)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	700.000.000	700.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		700.000.000	700.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.004.044.036	7.595.700.485
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	4.004.044.036	7.595.700.485
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		167.772.744.110	177.835.279.827

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2020	01/01/2020
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		73.401.608.839	87.733.927.753
I. Nợ ngắn hạn	310		73.190.608.839	87.320.427.753
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	21.508.390.490	26.923.189.594
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.718.595.086	2.350.354.396
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.390.724.055	1.367.689.100
4. Phải trả người lao động	314		34.053.856.078	36.331.912.567
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	611.865.845	2.619.100.078
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	10.865.543.819	15.159.246.881
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.041.633.466	2.568.935.137
II. Nợ dài hạn	330		211.000.000	413.500.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	211.000.000	413.500.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		94.371.135.271	90.101.352.074
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	94.371.135.271	90.101.352.074
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.920.000.000	52.920.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		38.511.171.702	24.182.615.319
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		2.939.963.569	12.998.736.755
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ				
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		167.772.744.110	177.835.279.827

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trần Thị Đoàn

Trần Thị Đoàn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2021

Tổng Giám đốc



Võ Quốc Hào

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Năm 2020

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	335.231.886.091	436.581.023.709
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		335.231.886.091	436.581.023.709
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	279.807.863.220	370.527.528.956
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		55.424.022.871	66.053.494.753
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.768.152.948	1.414.893.700
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.081.491.661	266.127.311
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7	6.667.163.825	7.552.420.008
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	32.674.758.166	39.836.109.259
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.768.762.167	19.813.731.875
11. Thu nhập khác	31	VI.5	20.000.000	445.557.564
12. Chi phí khác	32	VI.6	50.511.504	552.016
13. Lợi nhuận khác	40		(30.511.504)	445.005.548
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.738.250.663	20.258.737.423
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	3.440.054.375	4.232.287.485
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		13.298.196.288	16.026.449.938
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.19.5	2.262	2.726
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.19.5	2.262	2.726

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Đoàn

Trần Thị Đoàn



Võ Quốc Hào

Võ Quốc Hào